TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2018/HS-ST
Ngày: 15/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Công Huấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung An

2. Ông Nguyễn Thành Châu

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lưu Quốc Khánh- Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Đào Công Lữ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/8/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 308/2018/HSST ngày 28/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3241/2018/QĐXXST-HS ngày 01/8/2018 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Nguyễn Minh C**; giới tính: Nam; sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp 7A, xã TTĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: chăn nuôi; họ tên cha: Nguyễn Văn N; họ tên mẹ: Võ Thị N; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 02/8/2017.

2.Họ và tên: **Dương Thành T**; giới tính: Nam; sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp 6A, xã TTĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: (không); con ông Dương Quốc S và bà Nguyễn Thị N; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 01/8/2017.

3.Họ và tên: **Nguyễn Văn L**; giới tính: Nam; sinh năm 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp 6A, xã TTĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: (không); con ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 01/8/2017.

4.Họ và tên: **Lê Quốc A**; giới tính: Nam; sinh ngày 21/9/1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp 2A, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: (không); con ông Lê Bảo Q và bà Trần Kim T; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân: Ngày 29/9/2016, bị Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 3 năm tính từ ngày 29/9/2016 (bản án số 296/2016/HSST); trong vụ án này, bị cáo đã bị tạm giữ từ 04/01/2015 đến 14/01/2015.

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 02/8/2017.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh C: Ông Đỗ Ngọc Oánh, Luật sư Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc Oánh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Anh **Phan Đức Tín**; sinh năm sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp An Hòa, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

2.Ông **Nguyễn Cao Bình**; sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

3.Bà **Nguyễn Thị Hưởng**; sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp 4, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

4.Bà **Trần Kim Tuyết**; sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp 2A, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

5.Bà **Võ Thị Nhỉ**; sinh năm 1955; nơi đăng ký thường trú: ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 01/8/2017, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Củ Chi phối hợp với Công an xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính nhà nghỉ Đức Sang tại ấp Hội Thạnh, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, lực lượng công an phát hiện và thu giữ của Lê Quốc A 1 điện thoại di động và 1 xe máy mang biển số 51Y9-8523; thu giữ của Phan Đức Tín 1 gói nylon chứa tinh thể không màu nghi là ma túy và 1 điện thoại di động (bl.62).

Lúc 15 giờ 30 phút ngày 01/8/2017, tại ấp Hội Thạnh, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Củ Chi kiểm tra bắt quả tang Dương Thành T và Nguyễn Văn L có hành vi cất giấu 1 gói nylon chứa tinh thể không màu, T và L khai nhận là ma túy. Lực lượng công an đưa T và L về trụ sở Công an xã Trung An lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; thu giữ của T 1 điện thoại di động, 1 xe máy mang biển số 59Y2-804.16 và 500.000đ; thu giữ của L 1 điện di động, 1 gói nylon chứa tinh thể không màu mà T và L khai nhận là ma túy đá (bl.63).

Trên cơ sở lời khai của T và L, ngày 02/8/2017, Cơ quan điều tra lần lượt bắt giữ khẩn cấp đối với Lê Quốc A và Nguyễn Minh C (bl.73, 74).

Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 01/8/2017, khám xét khẩn cấp chỗ ở của C tại ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Củ Chi thu giữ được tại đây (bl.85):

-1 cái kéo;

-1 bộ dụng dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 1 chai nhựa, 1 ống thủy tinh và 1 ống hút nhựa;

-1 vỏ bình gas mini;

-1 cân điện tử hiệu Pocket Scale;

-8 ống (nỏ) thủy tinh chưa sử dụng;

-2 bịch nylon, bên trong có chứa tinh thể không màu, trong đó có 1 bịch nylon chứa tinh thể không màu có dính bùn đất (do trước đó, C xé đổ xuống đất để phi tang, cơ quan công an phải nhặt bỏ lại vào bịch nylon nên có dính bùn đất) (bl.115-116, 142);

-1 xe máy mang biển số 59Y3-008.56;

-1 xe máy mang biển số 59B1-191.15;

-10.000.000đ.

Căn cứ kết luận giám định số 1334/KLGĐ-H ngày 15/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự–Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Kết luận giám định số 369/C54B ngày 29/01/2018 của Phân Viện khoa học hình sự của Tổng cục cảnh sát tại Thành phố Hồ Chí Minh (bl.121, 124), xác định được như sau:

-Tinh thể không màu trong gói nylon thu giữ được tại nơi ở của C có khối lượng 60,2673g, không tìm thấy ma tuý;

-Tinh thể không màu có dính bùn đất chứa trong gói nylon thu giữ được tại nơi ở của C có tổng khối lượng là 128,2934g, khối lượng bùn đất được xác định là 19,353g; phần còn lại là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, có khối lượng là 108,9404g;

-Tinh thể không màu chứa trong gói nylon thu giữ được của Tín là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2944g, loại Methamphetamine;

-Tinh thể không màu chứa trong gói nylon thu giữ được của L là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,3664g, loại Methamphetamine.

Trong quá trình điều tra, T khai nhận như sau: T là người nghiện ma túy; T mua ma túy của Nguyễn Minh C để sử dụng cùng với Nguyễn Văn L và Lê Quốc An. T đã 2 lần mua ma túy của C, cụ thể như sau:

-Ngày 27/7/2017, L và A mỗi người hùn 200.000đ, T hùn 100.000đ để mua ma túy sử dụng chung. T trực tiếp tìm gặp C và mua của C 1 gói ma túy đá với giá 500.000đ. T, L và A đã cùng nhau sử dụng hết số ma túy này.

-Ngày 29/7/2017, T, L và A rủ nhau mỗi người hùn 500.000đ để mua ma túy sử dụng chung. Tuy nhiên, do L và A chưa có tiền và hẹn sẽ đưa sau nên T đã ứng trước cho L và A mỗi người 500.000đ. T tìm gặp C và mua của C 1 gói ma túy đá với giá 1.500.000đ. Sau khi mua ma túy của C, T mang về và lấy ra một ít để sử dụng chung với L, An; phần còn lại, T phân ra thành 2 gói (1 gói nhỏ và 1 gói lớn) và đưa L cất giấu ở nhà của L. Ngày 01/8/2017, A điện thoại cho T, bảo T đưa cho A gói ma túy đá với giá 500.000đ để A bán cho Phan Đức Tín, A sẽ đem tiền về đưa cho T. Lúc này, T nảy sinh ý định bán ma túy cho Tín để có tiền tiếp tục mua ma túy sử dụng. Tuy nhiên, vì không tin tưởng A nên T không đồng ý giao ma túy cho An. T bảo A chở Tín đến nhà của Nguyễn Trọng Nghĩa ở ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi để T trực tiếp bán ma túy cho Tín, A đồng ý. T gọi điện thoại cho L, bảo L lấy gói ma túy đá nhỏ (mà L đang cất giữ) để cùng T đi đến nhà Nghĩa. Khi T và L đến nhà của Nghĩa thì đã có mặt A và Tín tại đây. Tín nhờ L đi mua nước uống, L vừa đi một lúc thì T giao cho Tín gói ma túy và nhận 500.000đ. Sau khi nhận ma túy do T giao, Tín nói với T rằng có người bạn của Tín muốn mua 1.000.000đ ma túy đá nhưng chưa có tiền và hẹn giao nhận ở nhà nghỉ Đức Sang, T đồng ý. T bảo A chở Tín đến nhà nghỉ Đức Sang xem có bạn của Tín ở đó hay không; đồng thời, T bảo L về nhà lấy gói ma túy đá còn lại để cùng T đem đi bán, L đồng ý. L về nơi ở lấy gói ma túy và quay trở lại cùng T đi đến nhà nghỉ Đức Sang, trên đường đi thì bị Công an bắt quả tang. A chở Tín về đến nhà nghỉ Đức Sang thì cũng bị Công an kiểm tra bắt giữ.

An, Tín, L và Nghĩa khai phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của T. Nghĩa khai rằng Nghĩa không biết việc mua bán ma túy giữa T, L, A và Tín, vì lúc đó Nghĩa bận làm vườn ở phía sau nhà.

Sau khi bị bắt, C khai nhận: C mua bán trái phép chất ma túy từ đầu năm 2017. C mua ma túy của một người thanh niên tên Phong (không rõ lai lịch) ở

khu vực ngã tư Giếng Nước, huyện Hóc Môn mang về bán lại cho người nghiện để kiếm lời. C đã 4 lần mua ma túy của Phong: 3 lần đầu, mỗi lần mua 1 hộp 10 (tương đương 10g) ma túy đá với giá 5.600.000đ; lần thứ 4, vào ngày 01/8/2017, Phong trực tiếp đến chỗ ở của C và bán cho C 2 hộp 10 (tương đương 20g) ma túy đá với giá 10.500.000đ. Trong số những người mua ma túy của C có T. C đã bán ma túy cho T 2 lần (lần 1: vào ngày 27/7/2017, bán 1 gói ma túy với giá 500.000đ; lần 2: vào 29/7/2017, bán 1 gói ma túy đá giá 1.500.000đ).

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, C thay đổi lời khai: C chỉ thừa nhận mua ma tuý của Phong để sử dụng cho bản thân mà không bán ma túy cho ai, kể cả T. Ngày 01/8/2017, C đặt mua của Phong 20g ma túy đá, với giá 10.500.000đ. Lúc Phong đến nơi ở của C, Phong có gửi cho C 2 gói ma tuý gồm 1 gói nhỏ và 1 gói lớn (không rõ khối lượng) cùng 1 cân điện tử. Phong nói với C rằng Phong có công việc riêng, khi quay lại, Phong sẽ cân ma tuý giao cho C; C đồng ý và bảo Phong để ma túy trên bội (lồng) úp gà. Phong vừa đi một lúc thì C phát hiện có Công an đến nên đã dùng tay chụp 1 trong hai gói ma tuý mà Phong gửi để phi tang. Tuy nhiên, do Công an tiếp cận quá gần nên C không kịp phi tang; C buông gói ma túy bị rách rớt xuống nền đất và bỏ chạy thì bị Công an khống chế và thu giữ toàn bộ ma túy cùng 1 cân điện tử. Trước đó, C khai nhận đã bán ma túy cho T là do C bị hoảng loạn tinh thần nên khai không đúng (bl.136).

Tại bản cáo trạng số 201/CT-VKS-P1 ngày 24/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Minh C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự năm 1999); truy tố Dương Thành T, Nguyễn Văn L và Lê Quốc A về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Cáo trạng cũng nhận định về một số nội dung có liên quan như sau:

Nghĩa không biết và không tham gia vào việc mua bán ma túy giữa T, L, An, Tín tại nhà của Nghĩa vào ngày 01/8/2017. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi không xem xét xử lý đối với Nghĩa.

Tín có hành vi tàng trữ 0,2944g ma túy, loại Methamphetamine. Với khối lượng ma túy tàng trữ như vừa nêu, chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tín. Do vậy, Công an huyện Củ Chi đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Tín.

Phong là đối tượng bán ma túy cho C nhưng do C khai không biết lai lịch, địa chỉ của Phong nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý đối với Phong.

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên phát biểu luận tội như sau: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Minh C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm

1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự năm 1999); Dương Thành T, Nguyễn Văn L và Lê Quốc An phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo C "phạm tội nhiều lần" nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 để tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo A phạm tội trong thời gian thử thách của bản án 296/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thuộc trường hợp "tái phạm" nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 để tăng nặng trách nhiệm hình sự; đồng thời, buộc A phải chấp hành hình phạt 1 năm 6 tháng tù của bản án vừa nêu. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử:

-Xử phạt Nguyễn Minh C từ 16 năm đến 17 năm tù; phạt bổ sung 20.000.000đ;

-Xử phạt Dương Thành T từ 3 năm đến 4 năm tù; phạt bổ sung 5.000.000đ;

-Xử phạt Nguyễn Văn L từ 2 năm đến 3 năm tù; phạt bổ sung 5.000.000đ;

-Xử phạt Lê Quốc A từ 3 đến 4 năm tù, tổng hợp hình phạt với hình phạt 1 năm 6 tháng tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 296/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 4 năm 6 tháng tù đến 5 năm 6 tháng tù; phạt bổ sung 5.000.000đ;

-Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận hoặc bào chữa mà chỉ đề nghị được xem xét khoan hồng.

Luật sư Oánh bào chữa cho bị cáo C như sau: Bị cáo C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khối lượng ma túy mua bán vừa qua khỏi ngưỡng quy định là tình tiết định khung theo khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; ma túy đã được thu hồi, chưa phát tán ra ngoài xã hội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, áp dụng điểm g và p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đối với chiếc xe máy mang biển số 59Y3-008.56, là xe thuộc quyền sở hữu của C. Không có căn cứ để xác định C đã sử dụng chiếc xe đã nêu là phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao trả lại chiếc xe cho C.

Bà Võ Thị Nhỉ trình bày ý kiến như sau: Số tiền 10.000.000đ mà Công an thu giữ của C là tiền mà bà Nhỉ đưa cho C để mua bò và gà về nuôi, bà Nhỉ không biết việc C mua bán ma túy. Bà Nhỉ đề nghị Hội đồng xem xét hoàn trả lại cho bà số tiền đã nêu.

Ông Nguyễn Cao Bình trình bày ý kiến như sau: Chiếc xe máy mang biển số 59B1-191.15 có nguồn gốc do Bình mua của một người không rõ lai lịch để làm phương tiện đi lại. Ông Bình để xe tại nơi ở của C thì bị Công an thu giữ. Ông Bình không yêu cầu lấy lại xe.

Bà Nguyễn Thị Hưởng trình bày ý kiến như sau: Chiếc xe máy mang biển số 59Y2-804.16 thuộc quyền sỡ hữu của bà Hưởng. Ngày 01/08/2017, bà Hưởng cho T mượn xe để đi uống cà phê. Bà Hưởng không biết việc T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Bà Hưởng đề nghị Hội đồng xem xét hoàn trả lại cho bà Hưởng chiếc xe đã nêu.

Bà Trần Kim Tuyết trình bày ý kiến như sau: Chiếc xe máy mang biển số 51Y9-8523 thuộc quyền sở hữu của bà Tuyết. Ngày 01/8/2017, bà Tuyết cho A mượn xe để đi uống cà phê. Bà Tuyết không biết A sử dụng xe làm phương tiện mua ma túy. Bà Tuyết xin được nhận lại chiếc xe.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau: Do luật sư Oánh chỉ nêu ra các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo C nên kiểm sát viên không tranh luận; thẩm quyền xem xét thuộc về Hội đồng xét xử. Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với C là phù hợp với quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, luật sư bào chữa đã thực đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2].Nguyễn Minh C đã có hành vi mua bán ma túy chất dạng Methamphetamine của một người tên Phong không rõ lai lịch và cất giấu ma túy tại nhà của C ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích bán lại cho người khác để kiếm lời. C đã bán ma túy cho T 2 lần, cụ thể như sau:

-Ngày 27/7/2017, C bán cho T 1 gói ma túy với giá 500.000đ. T trực tiếp đi mua ma túy nhưng tiền mua là do T, L và A hùn lại để mua về sử dụng chung. T, L, A đã cùng sử dụng hết số ma túy này.

-Ngày 29/7/2017, C bán cho T 1 gói ma túy với giá 1.500.000đ. T, L, A thỏa thuận cùng hùn tiền để mua ma túy nhưng vì L, A chưa có tiền nên T ứng tiền trước để mua. Sau khi mua ma túy về, T, L, A có sử dụng hết một phần. Phần còn lại, T phân ra thành 2 gói nhỏ đưa cho L cất giữ; sau đó T, L và A mang bán cho Tín một phần với giá 500.000đ, một phần mang bán cho bạn của Tín nhưng trên đường mang đi bán thì bị bắt.

Khi khám xét khẩn cấp nhà của C ở ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, lực lượng công an thu giữ được tại đây 1 gói ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, có khối lượng là 108,9404g.

Ngày 01/8/2017, khi kiểm tra hành chính nhà nghỉ Đức Sang, Cơ quan công an thu giữ được của Tín 0,2944g ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine. Khối lượng ma túy này là do T mua của C, sau đó T mang bán lại cho Tín.

Ngày 01/8/2017, T và L mang 2,3664g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine đến nhà nghỉ Đức Sang để bán cho bạn của Tín nhưng trên đường đi thì bị lực lượng công an bắt quả tang.

Lời khai nhận tội của bị cáo C khi mới bị bắt và lời khai nhận tội của C tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ nên đảm bảo tính khách quan.

Như vậy, có căn cứ để xác định C có hành vi mua bán 111,6012g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine bao gồm khối lượng ma túy thu giữ được tại nhà của C và khối lượng ma túy ma túy mà C đã bán cho T, T mang bán lại cho người khác và đã được thu hồi (108,9404g + 2,3664g + 0,2944g =111,6012g).

[3].Dương Thành T, Nguyễn Văn L và Lê Quốc A đã có hành vi cùng nhau mua bán trái phép 2,6588g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, bao gồm: 0,2944g đã bán cho Tín (khi kiểm tra hành chính, công an đã thu giữ của Tín) và 2,3644g mà cơ quan công an đã thu giữ của T và L khi T và L đang trên đường mang số ma túy đến nhà nghỉ Đức Sang để bán cho bạn của Tín.

[4].Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống ma túy năm 2000 và Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ thì Methamphetamine là chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế. Việc sử dụng các chất đã nêu phải tuân theo các quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền.

[5].Ma túy nói chung, Methamphetamine nói riêng là chất gây nghiện độc hại. Người thường xuyên sử dụng ma túy sẽ bị thoái hóa nhân cách, rối loạn hành vi, dễ vi phạm pháp luật. Đây là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Việc sử dụng ma túy còn gây tổn hại đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng, nếu sử dụng quá liều còn có thể bị thiệt mạng. Chính vì vậy, Nhà nước ta nghiêm cấm việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái nhưng do động cơ tư lợi và thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên vẫn cố ý vi phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia; xâm phạm đến hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

[6].Căn cứ nhận định tại các mục [2], [3], [4] và [5] như đã nêu, đối chiếu với các quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Minh C phạm

tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo Dương Thành T, Nguyễn Văn L và Lê Quốc A đã có hành vi mua bán ma túy nhiều lần, trong đó có một lần đã mua bán xong với Tín, một lần mang ma túy bán cho bạn của Tín nhưng trên đường đi thì bị bắt (lần này thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt). Do vậy, có đủ căn cứ để kết luận T, L và A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Việc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng trong lần bán ma túy cho bạn của Tín, các bị cáo L, T và A chưa bán được cho bạn của Tín nên chỉ truy tố T, L và A theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là không chính xác.

[7].Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng:

C có hành vi phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 để tăng nặng trách nhiệm hình sự. C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Khối lượng ma túy mà C mua bán vừa qua khỏi ngưỡng tối thiểu quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nên cũng cần được xem xét.

Đối với T, L và An: Các bị cáo có hành vi phạm tội nhiều lần nhưng tình tiết "phạm tội nhiều lần" là tình tiết định khung hình phạt nên không áp dụng làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong hai lần phạm tội, có 1 lần thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

T, L và A là đồng phạm của nhau. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của L và A có mức độ nguy hiểm hạn chế hơn so với T; hành vi của A và L có mức độ nguy hiểm như nhau.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như đã được nêu, cần xử phạt C mức án vừa phải trong khung hình phạt; đối với T, L và A có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với C cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền để bảo đảm tính nghiêm minh; đối với các bị cáo còn lại, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung.

Riêng đối với An: Vào ngày 04/01/2015, A có hành vi gây rối trật tự công cộng; tại bản án hình sự sơ thẩm số 296/2016/HSST ngày 29/9/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã áp dụng khoản 2 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt A 1 năm 6 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 3 năm tính từ ngày tuyên án. Trong thời gian thử thách của bản án vừa nêu, A lại phạm tội mới. Do vậy, căn cứ khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, buộc A phải

chấp hành hình phạt 1 năm 6 tháng tù của bản án vừa nêu, đồng thời áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt của bản án vừa nêu với hình phạt của bản án này, buộc A phải chấp hành hình phạt chung. Trong vụ án vừa nêu, A đã bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tạm giữ 10 ngày (từ 04/01/2015 đến 14/01/2015). Thời gian tạm giữ vừa nêu sẽ được trừ vào thời gian A chấp hành hình phạt tù.

Vào thời điểm A phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" và đã bị kết án như đã vừa nêu, A mới 16 năm 8 tháng 17 ngày tuổi. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015) thì "người từ đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý" thì không được xem là có án tích. Đây là qui định có lợi cho người phạm tội so với quy định của Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, cần áp dụng quy định vừa nêu để xác định A là người chưa có án tích. Việc kiểm sát viên xác định A là người có án tích và đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm" đối với A là không phù hợp với các quy định pháp luật đã được viện dẫn.

Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra vào ngày 01/8/2017. Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 thì tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48; còn tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46. Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã nêu tương ứng với tình tiết tăng nặng "phạm tội 2 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 và tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như đã được nêu so với quy định của Bộ luật hình năm 1999 là như nhau, không mang tính có lợi cho người phạm tội. Tuy nhiên, Kiểm sát viên lại đề nghị áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử lý đối với các bị cáo là không đúng với quy định của 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

[8].Về nội dung bào chữa của luật sư Oánh bào chữa cho bị cáo C: Lập luận tại mục [7] cũng là lập luận để chấp nhận một phần nội dung bào chữa của luật sư Oánh.

[9]. Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xem xét xử lý như sau:

-Đối với điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng và 1 cân điện tử hiệu Pocket Scale (thu giữ của C), điện thoại di động Iphone màu trắng vàng và 500.000đ (thu giữ của T), điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng (thu giữ của L), điện thoại di động Nokia màu xanh xám (thu giữ của An), điện thoại

di động Masstel màu xanh (thu giữ của Tín): Những vật và tài sản đã nêu là công cụ, phương tiện phạm tội. Do vậy, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

-Đối với số tiền 10.000.000đ thu giữ của C: C khai rằng số tiền này là của Võ Thị Nhỉ (mẹ đẻ của C) đưa cho C để mua bò và gà về nuôi. Lời khai của bà Nhỉ phù hợp với lời khai của C. Không có căn để xác định số tiền đã nêu được sử dụng làm phương tiện phạm hoặc tiền do C phạm tội mà có. Do vậy, cần giao trả cho bà Nhỉ số tiền này.

-Đối với chiếc xe máy mang biển số 59Y3-008.56, số khung mang ký hiệu RLSDL11ANHV-103075, số máy mang ký hiệu CGA1-503121: Chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của C. Không có căn cứ để xác định C sử dụng chiếc xe đã nêu làm phương tiện phạm tội nên cần giao trả chiếc xe cho C.

-Đối với chiếc xe máy mang biển số 59B1-191.15 thu giữ của C: Cơ quan giám định kết luận rằng số khung, số máy đã bị mài đục nên không xác định được số nguyên thủy. C khai rằng chiếc xe này của Nguyễn Cao Bình (anh của C). Ông Bình khai rằng đã mua chiếc xe này của một người tên Hội (không rõ lai lịch). Khi mua bán, giao nhận tiền, xe, Hội hứa sẽ mang giấy đăng ký xe và làm thủ tục mua bán sang tên cho Bình. Nhưng sau đó, Bình không thấy Hội quay lại và cũng không liên lạc được với Hội. Bình sử dụng xe làm phương tiện đi lại và để xe tại nơi ở của C. Khi khám nơi ở của C, cơ quan công an đã thu giữ xe này. Theo kết quả xác minh thì biển số 59B1-191.15 là biển số của xe Honda Airblade do chị Lê Thị Ngọc Giàu (sinh năm 1988; cư trú tại 4.7, chung cư số 15 đường Vũ Huy Tấn, Phường 3, quận Bình Thạnh) là chủ sở hữu và đang sử dụng. Căn cứ vào các tài liệu thu thập như đã nêu, không có cơ sở để xác định ai là chủ sở hữu của chiếc xe đã nêu. Do vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015, cần giao chiếc xe đã nêu cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi (cơ quan phát hiện ra chiếc xe) để xử lý theo Điều luật vừa nêu. Đối với biển số xe 59B1-191.15, cần tịch thu tiêu hủy.

-Đối với chiếc xe máy mang biển số 59Y2-804.16, số khung mang ký hiệu RLHJF5809EY828612, số máy mang ký hiệu JF58E0828653 thu giữ của T: Theo kết quả điều tra thì chiếc xe thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hưởng là dì ruột của T. Ngày 01/08/2017, T mượn xe của bà Hưởng để đi uống cà phê. Sau đó, T sử dụng xe làm phương tiện mua bán ma túy. Bà Hưởng không có lỗi trong việc để cho T sử dụng xe vào việc phạm tội. Do vậy, cần giao trả chiếc xe đã nêu cho bà Hưởng.

-Đối với chiếc xe máy mang biển số 51Y9-8523, số khung mang ký hiệu RLHJC35025Y050199, số máy mang ký hiệu JC35E-0050208 thu giữ của An: Kết quả điều tra xác định bà Trần Kim Tuyết (mẹ đẻ của An) là chủ sở hữu xe. Ngày 01/8/2017, bà Tuyết cho A mượn xe để đi uống cà phê. Sau đó, An sử dụng xe làm phương tiện chở Tín đi mua ma túy của T. Bà Tuyết không có lỗi trong việc để cho A sử dụng xe vào việc phạm tội. Do vậy, cần giao trả chiếc xe đã nêu cho bà Tuyết.

-Đối với ma túy còn lại sau giám định và một số vật dụng sử dụng ma túy thu giữ được của C: Đây là những vật cấm lưu hành, vật không có giá trị sử dụng hoặc là không cần sử dụng được. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh C, Dương Thành T, Nguyễn Văn L và Lê Quốc A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Nguyễn Minh C 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ 02/8/2017;

Phạt bổ sung 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Dương Thành T 5 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ 01/8/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Nguyễn Văn L 4 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ 01/8/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, khoản 5 Điều 60, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Lê Quốc A 4 (bốn) năm tù, tổng hợp với hình phạt 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 296/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2017 và được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2015 đến 14/01/2015.

2.Về vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Giao trả lại cho bà Võ Thị Nhỉ 10.000.000đ (mười triệu đồng);

Giao trả cho bà Nguyễn Thị Hưởng chiếc xe máy mang biển số 59Y2-804.16, số khung mang ký hiệu RLHJF5809EY828612, số máy mang ký hiệu JF58E0828653;

Giao trả cho bà Trần Kim Tuyết chiếc xe máy mang biển số 51Y9-8523, số khung mang ký hiệu RLHJC35025Y050199, số máy mang ký hiệu JC35E-0050208;

Giao trả cho bị cáo Nguyễn Minh C chiếc xe máy mang biển số 59Y3-008.56, số khung mang ký hiệu RLSDL11ANHV-103075, số máy mang ký hiệu CGA1-503121;

Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh chiếc xe máy Suzuki Sport, không xác định được số khung, số máy nguyên thủy (do đã bị mài đục, xe hiện mang số khung là PMSRU120U2XA40240, số máy là F124-140240) để xử lý theo Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

-1 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng;

-1 cân điện tử hiệu Pocket Scale;

-1 điện thoại di động Iphone màu trắng, vàng;

-500.000đ (năm trăm nghìn đồng);

-1 điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng;

-1 điện thoại di động Nokia màu xanh xám;

-1 điện thoại di động Masstel màu xanh.

Tịch thu tiêu hủy:

-1 hộp niêm phong ghi vụ số 369 ngày 09/02/2018, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Trần Thị Thanh Thùy và người chứng kiến Bùi Thúy Hằng, hình dấu của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

-1 gói niêm phong ghi vụ số 1334/2017 gói 2, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh Thảo và cán bộ điều tra, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

-1 gói niêm phong ghi vụ số 1334/2017 gói 3, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh Thảo và cán bộ điều tra, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

-1 cái kéo;

-1 bộ dụng dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 1 chai nhựa, 1 ống thủy tinh và 1 ống hút nhựa;

-1 vỏ bình gas mini;

-8 ống (nỏ) thủy tinh chưa sử dụng;

-1 biển số xe mang ký hiệu 59B1-191.15 (biển số đang gắn trên xe Suzuki Sport không xác định được số máy, số khung).

(Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 251/18 lập ngày 06/6/2018 giữa PC.47 Công an Thành phố Hồ Chí Minh với Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; đối với vật chứng là tiền hiện đang được Kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo 2 giấy nộp tiền vào tài khoản cùng ngày 18/9/2017).

3.Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4.Các bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**